TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐHPT- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hải H, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Xóm II, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1985, Hộ khẩu thường trú: Xóm II, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Hải H trình bày: Bà H và ông Nh là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vào năm 2007. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây nhận thấy phát sinh nhiều mâu thuẫn, rạn nứt vợ chồng đã không thể Hn gắn, trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vào cuối năm 2021 bà nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nh, sau đó bà H rút đơn khởi kiện để cố gắng hàn gắn với ông Nh nhưng không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nh. Quá trình chung

sống bà và ông Nh có một con chung là Đinh Tiến Đ, sinh ngày 26/5/2008, hiện nay cháu đang ở với ông Nh, khi nộp đơn khởi kiện bà yêu cầu xin nuôi con chung. Nay để cho cháu có cuộc sống ổn định nên bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện giao con chung cho ông Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Đinh Văn Nh
- Về con chung: Có con chung là cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 26/5/2008. Sau khi ly hôn con chung sẽ do ông Nh nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng: Không cấp dưỡng nuôi con
- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Văn Nh trình bày: Ông Nh thống Nh với bà H thời gian đăng ký kết hôn. Ông Nh không đồng ý ly hôn với bà H là do bà H bỏ đi từ tết đến nay, ông và bà H còn nhiều việc chưa giải quyết nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có con chung là cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 26/5/2008. Cháu đã lớn nên cháu sẽ tự quyết định ở với bố hay mẹ.

- Về cấp dưỡng: Ông sẽ thực hiện theo yêu cầu của NH nước.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nh không đồng ý ly hôn với bà H vì giữa ông và bà H còn nhiều chưa giải quyết, ông đồng ý nuôi cháu Đinh Tiến Đ và không yêu cầu cấp dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hải H được ly hôn với ông Đinh Văn Nh

Về con chung: Có con chung là cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 26/5/2008, sau khi ly hôn sẽ do ông Nh sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà H và ông Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông Nh, đồng ý giao con chung cho ông Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Bà H và ông Nh là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn 26, quyển số 01 tại UBND phường Kim Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H cho rằng sau khi kết hôn, ông Nh có nhiều quan điểm, hai bên thường xuyên cãi vả từ đó dẫn đến sự mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Nh nữa. Bà H hiện đã ly thân với ông Nh. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà H và ông Nh vì không còn tình cảm với nhau nên không ai quan tâm đến ai, bà H hiện không ở chung với ông Nh nên chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà H, ông Nh không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà H đã nộp đơn xin ly hôn vào cuối năm 2021, sau đó bà rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2022. Ngày 15/3/2022, bà H nộp đơn khởi kiện lại, điều này thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng ông Nh, bà H đã đến mức trầm trọng. Ông Nh không đồng ý ly hôn nhưng vẫn không có biện pháp gì cải thiện, hàn gắn nên tình trạng hôn nhân của bà H và ông Nh đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông Nh.

[3] Về con chung: Có con chung là cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 26/5/2008. Cháu Đ hiện đang ở với ông Nh và cháu có nguyện vọng ở với ông Nh nên bà H giao cho ông Nh trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Nh đồng ý nuôi dưỡng cháu Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho ông Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với tranh chấp ly hôn bà Bùi Thị Hải H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Hải H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với bị đơn ông Đinh Văn Nh.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hải H được ly hôn với ông Đinh Văn Nh

Về con chung: Có con chung là cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 26/5/2008, sau khi ly hôn sẽ do ông Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đinh Tiến Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Bùi Thị Hải H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001107 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Kim Tiến;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm